

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2 – 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 – 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7 – 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 – 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	12 – 49

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”) đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 từ trang 7 đến trang 49 kèm theo.

#### KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đình Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	
Ông Đinh Thế Hiển	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Ông Phạm Hợp Phố	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Ông Lê Hoàn Sứ	Thành viên độc lập HĐQT	

##### Ban Kiểm soát

Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	
Ông Vũ Thành Tài	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 07/04/2023
Bà Nguyễn Thị Trường San	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 07/04/2023

## **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

---

### **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)**

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Bà Bùi Thị Mai Hiên

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Châu.

##### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Thứ - Chủ tịch.

#### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Hội đồng Quản trị Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại TP.HCM.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong giai đoạn này.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP)

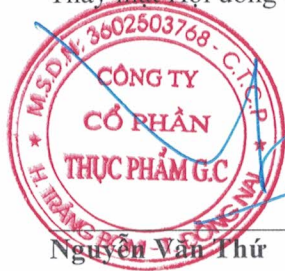
#### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### CÁC CAM KẾT KHÁC

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



Nguyễn Văn Thử

Chủ tịch

Đồng Nai, ngày 28 tháng 8 năm 2023



Số: 075/2023/UHYHCM - BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ Phần Thực Phẩm G.C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các Công ty con (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 28 tháng 08 năm 2023, từ trang 7 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 16 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi chưa thu thập được các Báo cáo tài chính đã được soát xét của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo quy định. Theo đó, chúng tôi chưa có cơ sở để xác định được những điều chỉnh cần thiết (nếu có) của khoản mục dự phòng của các khoản đầu tư này, cũng như chưa có cơ sở để xác định những ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính đính kèm.

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30/06/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22.1 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng: Ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Theo đó, căn cứ theo Thông báo này, ngày 01/02/2023 Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng đến ngày 31/12/2021 là 21.719.854.038 đồng, lợi nhuận công ty con chuyển về trong năm 2022 là 22.264.000.000 đồng chưa đủ nguồn tại thời điểm này để Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với giá trị 46.799.990.000 đồng. Do đó, Công ty đã sử dụng thêm nguồn từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 của các Công ty con chuyển về để bù đắp.

Vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không làm thay đổi kết luận ngoại trừ đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số 1496-2023-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023 VND	Tại 01/01/2023 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>342.418.240.172</b>	<b>328.729.844.473</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>15.532.739.743</b>	<b>9.869.908.378</b>
Tiền	111		15.532.739.743	9.869.908.378
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>274.570.542.836</b>	<b>242.003.110.865</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	132.397.809.975	106.744.795.625
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	146.465.287.887	137.291.638.033
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.326.549.495	3.991.480.438
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(9.619.104.521)	(6.024.803.231)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>48.613.052.342</b>	<b>74.207.750.067</b>
Hàng tồn kho	141		48.613.052.342	74.207.750.067
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.701.905.251</b>	<b>2.649.075.163</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	917.879.997	1.006.166.183
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.649.796.981	1.524.996.825
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	134.228.273	117.912.155
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>291.755.845.336</b>	<b>302.274.929.884</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.693.831.455</b>	<b>4.587.413.955</b>
Phải thu dài hạn khác	216	9	4.693.831.455	4.587.413.955
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>183.978.438.922</b>	<b>197.329.273.717</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	88.982.818.882	101.181.340.451
- Nguyên giá	222		155.458.531.944	161.522.455.203
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.475.713.062)	(60.341.114.752)
Tài sản cố định vô hình	227	14	94.995.620.040	96.147.933.266
- Nguyên giá	228		98.071.729.091	98.405.979.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.076.109.051)	(2.258.045.825)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>59.074.848.873</b>	<b>59.200.324.253</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	59.074.848.873	59.200.324.253
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>28.019.066.710</b>	<b>22.021.060.579</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		27.994.066.710	19.996.060.579
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		25.000.000	25.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2.000.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.989.659.376</b>	<b>19.136.857.380</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.965.702.939	19.136.857.380
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	23.956.437	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>634.174.085.508</b>	<b>631.004.774.357</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>273.966.009.448</b>	<b>281.224.243.649</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>261.004.997.233</b>	<b>270.117.472.264</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	25.899.680.547	25.291.421.030
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	1.708.055.186	127.774.573
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	10.269.906.397	9.937.229.616
Phải trả người lao động	314		5.528.145.572	7.589.389.789
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	9.372.266.793	1.056.972.893
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	2.429.496.673	5.811.721.284
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23	205.698.715.153	219.924.009.501
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	98.730.912	378.953.578
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>12.961.012.215</b>	<b>11.106.771.385</b>
Phải trả dài hạn khác	337	22	2.550.000.000	2.300.000.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23	4.201.950.000	4.981.350.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341	17	6.209.062.215	3.825.421.385
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>360.208.076.060</b>	<b>349.780.530.708</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>25</b>	<b>360.208.076.060</b>	<b>349.780.530.708</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		306.799.990.000	260.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		306.799.990.000	260.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.096.162.577	76.803.652.094
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		30.003.662.094	51.642.884.365
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.092.500.483	25.160.767.729
Lợi ích Cổ đông không kiểm soát	429		11.311.923.483	12.976.878.614
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>634.174.085.508</b>	<b>631.004.774.357</b>

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2023

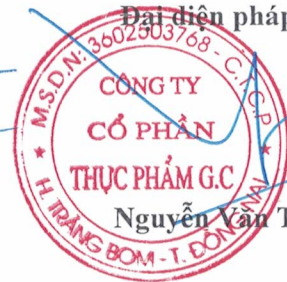
Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>237.766.099.743</b>	<b>204.273.398.235</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	2.575.398.676	427.038.470
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>235.190.701.067</b>	<b>203.846.359.765</b>
Giá vốn hàng bán	11	28	170.191.172.084	138.583.843.438
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>64.999.528.983</b>	<b>65.262.516.327</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	494.995.918	850.016.222
Chi phí tài chính	22	30	10.401.052.757	5.880.201.694
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>10.118.858.196</i>	<i>5.806.740.877</i>
Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.993.869)	-
Chi phí bán hàng	25	31	14.201.412.498	14.941.975.438
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	23.897.817.839	19.081.342.836
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>16.992.247.938</b>	<b>26.209.012.581</b>
Thu nhập khác	31	32	240.519.890	600.137.641
Chi phí khác	32	33	204.332.716	85.634.247
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>36.187.174</b>	<b>514.503.394</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>17.028.435.112</b>	<b>26.723.515.975</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	4.039.205.367	5.587.803.274
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	2.359.684.393	57.637.723
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>10.629.545.352</b>	<b>21.078.074.978</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		12.092.500.483	21.340.906.986
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.462.955.131)	(262.832.008)
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>37</b>	<b>394</b>	<b>804</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>71</b>	<b>38</b>	<b>365</b>	<b>804</b>

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2023

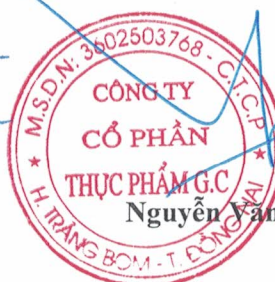
Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>17.028.435.112</b>	<b>26.723.515.975</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		8.957.776.643	9.053.761.963
Các khoản dự phòng	03		3.594.301.290	-
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	(95.966.314)
(Lãi)/ lỗ hoạt động đầu tư	05		(161.195.012)	(294.666.870)
Chi phí lãi vay	06		10.118.858.196	5.806.740.877
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>39.538.176.229</b>	<b>41.193.385.631</b>
(Tăng)/ giảm các khoản phải thu	09		(29.972.582.183)	(94.616.748.727)
(Tăng)/ giảm hàng tồn kho	10		24.315.648.329	(13.646.995.652)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.555.077.369	19.330.257.860
Giảm chi phí trả trước	12		5.277.524.607	86.602.583
Tiền lãi vay đã trả	14		(10.118.858.196)	(5.806.740.877)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.692.187.723)	(5.720.398.308)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(279.520.000)	(1.793.023.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>29.623.278.432</b>	<b>(60.973.660.865)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.492.722.156)	(19.221.760.186)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.400.000.000	107.007.227
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.000.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		136.969.437	136.764.796
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(8.955.752.719)</b>	<b>(18.977.988.163)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
			đến 30/06/2023	đến 30/06/2022
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		194.165.858.284	196.219.033.273
Tiền trả nợ gốc vay	34		(209.170.552.632)	(112.835.529.486)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(15.004.694.348)</b>	<b>83.383.503.787</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>5.662.831.365</b>	<b>3.431.854.759</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6</b>	<b>9.869.908.378</b>	<b>6.845.846.450</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(19.519.431)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>6</b>	<b>15.532.739.743</b>	<b>10.258.181.778</b>

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật

Nguyễn Văn Thứ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C (gọi tắt là "Công ty") là công ty được chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH Thực Phẩm G.C theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3602503768 ngày 31 tháng 05 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, các lần thay đổi sau đó với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 19 vào ngày 21 tháng 08 năm 2023 về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 19 là 306.799.990.000 đồng, được chia thành 30.679.999 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về trụ sở chính và văn phòng đại diện:

- Trụ sở chính: Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
- Chi nhánh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 3602503768-004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 07/02/2023, có địa chỉ tại: số 22 Đường Đình Núp, Phường Thanh Sơn, Tp. Phan Rang – Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận.
- Văn phòng đại diện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng đại diện số 3602503768-003 lần đầu ngày 12/01/2019 và thay đổi lần thứ 1 ngày 13/02/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, có địa chỉ tại: 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30/06/2023 là 541 người (tại 31/12/2022 là 595 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh buôn bán và kinh doanh bất động sản.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); Kinh doanh bất động sản.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Không có đặc điểm hoạt động nào của công ty trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (TIẾP)**

**1.6 CÁC CÔNG TY ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính của Công ty:

Tên công ty	Trụ sở	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			30/06/2023	01/01/2023
<b><u>Công ty con:</u></b>				
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cô Cô Việt Nam	Lô V-2E, đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai, Việt Nam	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dứa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu	99,50%	99,50%
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Cánh Đồng Việt	Quốc lộ 1A, Khu công nghiệp Thành Hải, Xã Thành Hải, Tp. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dứa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành.	99,29%	99,29%
Công ty Cổ Phần Năng Và Gió	Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Huyện Ninh Sơn, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm.	88,00%	88,00%
Công ty TNHH MTV Công nghệ Pura	304, Đường Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	100,00%	100,00%
<b><u>Công ty liên kết:</u></b>				
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn	Lô A1 - A2, KCN Thành Hải, Xã Thành Hải, TP. Phan Rang-Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.	40,00%	40,00%
Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh	Thôn Từ Thiện, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Nuôi cá, nuôi tôm, nuôi thủy sản khác, sản xuất giống thủy sản biển.	40,00%	0,00%
Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Thôn Sơn Hải 2, Xã Phước Dinh, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam	Trồng cây nông nghiệp	40,00%	0,00%

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm Dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Nhóm Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính riêng của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

**4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**4.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, áp dụng từ năm tài chính 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**4.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**5.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Hội đồng Quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**5.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**5.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (chi phí xây dựng thành phẩm bất động sản để bán) được trình bày tại chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn”. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*Chứng khoán kinh doanh*

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh là dự phòng phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra do giảm giá các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập khi Hội đồng Quản trị cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Trong trường hợp Công ty không thu thập được những bằng chứng đáng tin cậy về việc giảm giá của khoản chứng khoán kinh doanh, các khoản đầu tư này vẫn được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp giá gốc.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên kết*

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư được hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khoản đầu tư được kế toán ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày bên được đầu tư trở thành công ty liên doanh hoặc liên kết.

**5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)**

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**5.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

**Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 15
Máy móc, thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	05 – 06

**Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến. Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

**5.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản đầu tư (“BĐSDT”) được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà doanh nghiệp bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Khấu hao của Bất động sản đầu tư được xác định theo phương pháp đường thẳng. Công ty không trích khấu hao đối với Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là nhà cửa và quyền sử dụng đất.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn là những chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng cụ và các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

**5.9 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**5.10 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh khi mua lại công ty con, công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (giao dịch mua rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại khoản đầu tư vào công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Doanh nghiệp không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

**5.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Đối với việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn sản phẩm, hàng hoá bất động sản:

- Công ty trích trước vào giá vốn hàng bán đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng.
- Số chi phí trích trước được tạm tính và số chi phí thực tế phát sinh được ghi nhận vào giá vốn hàng bán tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hoá bất động sản được xác định là đã bán trong kỳ và đủ tiêu chuẩn ghi nhận doanh thu (được xác định theo diện tích).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.12 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu hay vốn góp tăng thêm từ quyết định chia lãi bằng cổ phiếu tại ngày được UBCK NN chấp thuận bằng văn bản.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**5.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

*Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.14 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU, CHI PHÍ (TIẾP)**

*Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong kỳ được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

**5.15 NGOẠI TỆ**

Ngân hàng lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong kế toán là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV).

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam. Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền được áp dụng bên Có Tài khoản tiền ngoại tệ và áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế khi phát sinh các nghiệp vụ bên Nợ Tài khoản tiền. Riêng trường hợp rút quỹ tiền mặt bằng ngoại tệ gửi vào Ngân hàng thì được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ kế toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**5.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty trong năm bao gồm: kinh doanh bất động sản, hoạt động xây dựng, hoạt động bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Ngoài Công ty con ở Mỹ chưa đi vào hoạt động, toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**5.16 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận, lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp, tài sản, nợ phải trả.

**5.17 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, Bên liên quan của Nhóm Công ty là các Công ty liên kết do Nhóm Công ty đầu tư có ảnh hưởng đáng kể, các thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	177.687.158	185.441.451
Tiền gửi ngân hàng	15.355.052.585	9.684.466.927
<b>Cộng</b>	<b>15.532.739.743</b>	<b>9.869.908.378</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3,  
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>132.397.809.975</b>	<b>(9.619.104.521)</b>	<b>106.744.795.625</b>	<b>(6.024.803.231)</b>
- Công ty CP Thực Phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	19.002.062.200	-	9.591.752.160	-
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh	18.508.869.401	-	-	-
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	11.600.000.000	(8.120.000.000)	11.600.000.000	(5.800.000.000)
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	10.066.300.270	-	10.137.782.780	-
- Công ty CP Sữa Việt Nam và các chi nhánh	4.850.320.464	-	10.604.730.351	-
- Sojitz Food Corp.	2.185.747.200	-	4.387.970.400	-
- Ông Trịnh Phương	3.054.942.451	-	3.781.952.811	-
- Bà Nguyễn Thị Kim Quy	2.568.302.005	-	3.434.463.005	-
- Ông Sứ Dương Hải	3.954.237.000	-	2.254.917.000	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	56.607.028.984	(1.499.104.521)	50.951.227.118	(224.803.231)
<b>Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>29.187.634.361</b>	<b>-</b>	<b>10.137.782.780</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	10.066.300.270	-	10.137.782.780	-
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh	18.508.869.401	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thủy sản Mũi Dinh	612.464.690	-	-	-

(\*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	146.465.287.887	-	137.291.638.033	-
- Nhà cung cấp bao tiêu nguyên liệu (*)	132.944.796.742	-	121.392.693.417	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	13.520.491.145	-	15.898.944.616	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn dài hạn	-	-	-	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	-	-	-	-

(\*) Ứng tiền trước nhà cung cấp truyền thống nông dân, hộ kinh doanh cá thể bao tiêu mua nông sản nhà đăm, nhỏ, táo tại Ninh Thuận. Đến ngày phát hành báo cáo này, các nông sản chưa đến kỳ thu hoạch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.326.549.495</b>	<b>3.991.480.438</b>
<i>a. Tạm ứng</i>	<i>3.161.987.907</i>	<i>3.282.909.788</i>
<i>b. Tài sản thiếu chờ xử lý</i>	<i>1.552.582.254</i>	<i>-</i>
<i>c. Phải thu khác</i>	<i>591.979.334</i>	<i>688.570.650</i>
<i>d. Ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>4.693.831.455</b>	<b>4.587.413.955</b>
- Phải thu khác	3.870.087.705	3.870.087.705
- Ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	823.743.750	717.326.250
<b>Cộng</b>	<b>10.020.380.950</b>	<b>8.578.894.393</b>
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>6.569.199.705</i>	<i>6.866.699.705</i>
- Ông Nguyễn Văn Thứ	702.500.000	1.000.000.000
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	3.870.087.705	3.870.087.705

**(\*) Chi tiết:**

- Ký quỹ thuê văn phòng tại 11C Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 19, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh: 180.000.000 đồng
- Ký quỹ làm dự án cho Sở Kế Hoạch Đầu tư tỉnh Ninh Thuận : 300.000.000 đồng.
- Ký quỹ thực hiện dự án phát triển cây nha đam với Sở Đầu tư Kế hoạch tỉnh Ninh Thuận: 343.743.750 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**10. NỢ XẤU**

	Tại 30/06/2023				Tại 01/01/2023			
	Giá gốc		Dự phòng		Giá gốc		Dự phòng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Khoản phải thu khách hàng ngắn hạn quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	11.600.000.000	(8.120.000.000)	3.480.000.000		11.600.000.000	(5.800.000.000)	5.800.000.000	
- Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh (*)	2.221.718.562	(1.499.104.521)	722.614.041		449.606.462	(224.803.231)	224.803.231	
- Các khoản khác								
<b>Cộng</b>	<b>13.821.718.562</b>	<b>(9.619.104.521)</b>	<b>4.202.614.041</b>		<b>12.049.606.462</b>	<b>(6.024.803.231)</b>	<b>6.024.803.231</b>	

(\*) Khoản phải thu từ bán hai căn hộ Vinhomes Golden River tại địa chỉ số 02 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Công ty đang trong quá trình khởi kiện Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán Theo Hợp đồng chuyển nhượng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**11. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.921.590.375	8.952.183.830
Công cụ dụng cụ	1.993.631.653	1.404.781.613
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	26.681.089.644	38.392.377.681
Thành phẩm	8.532.001.328	24.373.485.812
Hàng hoá	1.484.739.342	1.084.921.131
<b>Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho</b>	<b>48.613.052.342</b>	<b>74.207.750.067</b>

(\*) Chi phí SX, KD dở dang tại Công ty chủ yếu là các loại nông sản như nho, ổi, táo, dưa... và các loại gia súc như: bò thịt, cừu đang trong giai đoạn sắp đến ngày thu hoạch.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>917.879.997</b>	<b>1.006.166.183</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	312.491.099	610.128.843
- Chi phí trả trước khác	605.388.898	396.037.340
<b>Dài hạn</b>	<b>15.965.702.939</b>	<b>19.136.857.380</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	3.609.570.373	3.061.376.431
- Chi phí trả trước của nông trại	379.331.680	1.558.274.028
- Chi phí đầu tư ban đầu trồng trọt	2.843.350.755	3.439.091.542
- Chi phí thuê đất	550.879.002	1.590.333.589
- Chi phí trả trước khác	935.409.837	1.684.555.982
- Lợi thế quyền thuê đất (*)	7.647.161.292	7.803.225.808
<b>Cộng</b>	<b>16.883.582.936</b>	<b>20.143.023.563</b>

(\*) Lợi thế quyền thuê đất chờ phân bổ có thời hạn 31 năm tại KCN Hồ Nai, Đồng Nai (từ ngày 27/12/2016 đến ngày 27/12/2047).

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
 Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa		Máy móc		Phương tiện vận		Thiết bị, dụng		Cây		TSCĐ khác		Cộng
	vật kiến trúc		thiết bị		tải, truyền dẫn		cụ quản lý		lâu năm		VND		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>													
Tại 01/01/2023	79.815.229.442	49.400.734.512	11.877.948.687	137.239.950	9.915.149.675	10.376.152.937	161.522.455.203						
- Mua trong kỳ	-	838.438.880	-	-	-	-	838.438.880						
- Đầu tư XDCB hoàn thành	2.026.110.401	650.040.016	-	-	-	-	2.676.150.417						
- Thanh lý, nhượng bán	(3.471.139.601)	(3.581.505.643)	-	-	(2.525.867.312)	-	(7.052.645.244)						
Tại 30/06/2023	78.370.200.242	47.307.707.765	11.877.948.687	137.239.950	7.389.282.363	10.376.152.937	155.458.531.944						

**HAO MÒN LŨY KẾ**

Tại 01/01/2023	(22.043.244.620)	(26.244.690.215)	(5.208.188.818)	(133.401.866)	(4.999.638.619)	(1.711.950.614)	(60.341.114.752)						
- Khấu hao trong kỳ	(2.667.672.591)	(3.035.987.319)	(818.862.150)	(2.302.854)	(873.477.719)	(741.410.784)	(8.139.713.417)						
- Thanh lý, nhượng bán	180.544.591	625.266.252	-	-	1.199.304.264	-	805.810.843						
Tại 30/06/2023	(24.530.372.620)	(28.655.411.282)	(6.027.050.968)	(135.704.720)	(4.673.812.074)	(2.453.361.398)	(66.475.713.062)						

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại 01/01/2023	57.771.984.822	23.156.044.297	6.669.759.869	3.838.084	4.915.511.056	8.664.202.323	101.181.340.451						
Tại 30/06/2023	53.839.827.622	18.652.296.483	5.850.897.719	1.535.230	2.715.470.289	7.922.791.539	88.982.818.882						

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là: 17.483.604.557 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2023 : 13.297.971.575 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại 01/01/2023	97.944.070.000	461.909.091	98.405.979.091
- Thanh lý, nhượng bán	(334.250.000)	-	(334.250.000)
Tại 30/06/2023	97.609.820.000	461.909.091	98.071.729.091
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
Tại 01/01/2023	(2.118.702.380)	(139.343.445)	(2.258.045.825)
- Khấu hao trong kỳ	(744.738.978)	(73.324.248)	(818.063.226)
Tại 30/06/2023	(2.863.441.358)	(212.667.693)	(3.076.109.051)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2023	95.825.367.620	322.565.646	96.147.933.266
Tại 30/06/2023	94.746.378.642	249.241.398	94.995.620.040

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2023 là: 0 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2023: 89.585.701.026 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Mua sắm tài sản cố định	1.205.240.634	1.447.845.232
Mua đất xây văn phòng và làm trang trại (*)	48.232.109.589	48.232.109.589
Căn hộ Đà Nẵng (**)	3.959.295.050	3.959.295.050
Chi phí xây dựng cơ bản khác	5.678.203.600	5.561.074.382
<b>Cộng</b>	<b>59.074.848.873</b>	<b>59.200.324.253</b>

(\*) Mua đất tại tỉnh Ninh Thuận và Phường Thạnh Mỹ Lợi, Q2, Tp.HCM, chưa xong thủ tục sang tên cho Công ty.

(\*\*) Đây là chi phí mua 2 căn hộ R1 - 1616 theo Hợp đồng số 2467/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 và căn hộ R1- 2414 theo Hợp đồng số 246/2016/HĐMB/Coco Ocean Resort-MN ký ngày 24 tháng 11 năm 2016 tại tổ hợp dự án CocoBay - Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô là Chủ đầu tư), có trụ sở tại 614 Lạc Long Quân, phường Nhật Tân, quận Tây Hồ, Thành phố Hà nội, Việt Nam. Đến thời điểm hiện tại, dự án CocoBay – Đà Nẵng vẫn chưa hoàn thành và chưa bàn giao căn hộ cho Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**  
*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**16. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Tại 30/06/2023 (VND)		Tại 01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi số theo phương pháp vốn chủ sở hữu
<b>a. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>28.000.000.000</b>	<b>27.994.066.710</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>19.996.060.579</b>
+ Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn (1)	20.000.000.000	19.994.066.710	20.000.000.000	19.996.060.579
+ Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh (2)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
+ Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh (3)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
<b>b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>	<b>25.000.000</b>
+ Công ty TNHH Matsumoto Farm	25.000.000	25.000.000	25.000.000	25.000.000
<b>c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
+ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, chi nhánh KCN Biên Hòa	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500654985 ngày 07 tháng 04 năm 2022 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty mua cổ phần trong Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn là 20.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Nhiệt Đới Sài Gòn là 40%. Công ty đang trong giai đoạn đầu tư, chưa hoạt động chính thức.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500659454 ngày 27 tháng 01 năm 2023 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh là 4.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh là 40%. Công ty đã đi vào hoạt động chính thức và kết quả kinh doanh 6 tháng 2023 có lãi.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500659359 ngày 16 tháng 01 năm 2023 do Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận cấp, Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C đăng ký đầu tư vào Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh là 4.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh là 40%. Công ty đã đi vào hoạt động chính thức và kết quả kinh doanh và kết quả kinh doanh 6 tháng 2023 lỗ nhưng chưa trích lập dự phòng.





**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	VND	VND
<b>a Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	23.956.437	-
<b>Cộng</b>	<b>23.956.437</b>	<b>-</b>
<b>b Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả</b>		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	6.209.062.215	3.825.421.385
<b>Cộng</b>	<b>6.209.062.215</b>	<b>3.825.421.385</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là 20%.

**18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>25.899.680.547</b>	<b>25.899.680.547</b>	<b>25.291.421.030</b>	<b>25.291.421.030</b>
- Công ty TNHH Dừa Dăng Khoa	7.372.850.730	7.372.850.730	4.824.471.078	4.824.471.078
- Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi	2.483.964.000	2.483.964.000	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Minh Tân Phát	2.145.328.900	2.145.328.900	324.928.800	324.928.800
- Công ty Công Nghiệp Tân Á	379.401.000	379.401.000	1.498.202.352	1.498.202.352
- Công ty TNHH Giấy Yuen Foong Yu Đồng Nai	252.810.250	252.810.250	1.325.030.703	1.325.030.703
- Phải trả người bán khác	13.265.325.667	13.265.325.667	17.318.788.097	17.318.788.097
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>43.286.144</b>	<b>43.286.144</b>	<b>15.609.975</b>	<b>15.609.975</b>
- Công ty TNHH An Hạnh Thông	20.736.144	20.736.144	15.609.975	15.609.975
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh	22.550.000	22.550.000	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>1.708.055.186</b>	<b>1.708.055.186</b>	<b>127.774.573</b>	<b>127.774.573</b>
- Natural Drinks, Ltd	1.086.032.000	1.086.032.000	-	-
- Chatchafoods Co.,Ltd.	393.120.000	393.120.000	-	-
- Người mua ứng trước khác	228.903.186	228.903.186	127.774.573	127.774.573
<b>Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
 Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
 huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
 đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>9.937.229.616</b>	<b>12.794.387.296</b>	<b>12.461.710.515</b>	<b>10.269.906.397</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.379.209.005	7.891.491.718	7.687.921.487	3.582.779.236
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu phải nộp	-	60.548.952	60.548.952	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.104.753.220	4.039.205.367	3.675.871.605	6.468.086.982
- Thuế thu nhập cá nhân	453.267.391	789.141.259	1.023.368.471	219.040.179
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.000.000	14.000.000	-
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	11.974.720	11.974.720	-
<b>Cộng</b>	<b>9.937.229.616</b>	<b>12.745.813.064</b>	<b>12.413.136.283</b>	<b>10.269.906.397</b>
	<b>Tại 01/01/2023</b>	<b>Số phải nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực nộp trong năm</b>	<b>Tại 30/06/2023</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải thu	117.912.155	-	-	117.912.155
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	16.316.118	16.316.118
<b>Cộng</b>	<b>117.912.155</b>	<b>-</b>	<b>16.316.118</b>	<b>134.228.273</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí lương, thưởng	1.336.345.565	314.139.413
- Các khoản trích trước khác	8.035.921.228	742.833.480
<b>Cộng</b>	<b>9.372.266.793</b>	<b>1.056.972.893</b>

**22. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>Tại 01/01/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.429.496.673</b>	<b>5.811.721.284</b>
- Kinh phí công đoàn	107.749.420	283.765.645
- Bảo hiểm xã hội, BHYT, BH thất nghiệp	621.483.970	-
- Phải trả cổ tức	-	960.856.333
- Phải trả, phải nộp khác	663.863.283	4.467.099.306
- Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	1.036.400.000	100.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>2.550.000.000</b>	<b>2.300.000.000</b>
<i>Phải trả khác là các bên liên quan</i>		
<b>Cộng</b>	<b>4.979.496.673</b>	<b>8.111.721.284</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11. KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Tên đối tượng	Số hợp đồng	Lãi suất	Số dư	Hình thức bảo đảm
(1) Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - CN Ba Mươi Tháng Tư	Số 01/2022/11246269/HĐTD Số 01/2022/1531140/HĐTD	Theo GNN Theo GNN	63.478.408.069 6.148.150.510	Thế chấp Thế chấp
(2) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	Số 41/2023-HĐCVHM/NHCT682-VNCC	Theo GNN	26.242.820.430	Thế chấp
(3) Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	Số 490068/2021-HĐCVHM/NHCT610-CDV Số 490079/2023-HĐCVHM/NHCT610-NANGGIO Số 230080/2020-HĐCĐA/T/NHCT610-SW (3)	6,5% - 6,8%/năm 9,9%/năm 12,5%/năm	61.902.060.901 25.868.475.243 1.013.550.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(4) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	Số 2022316_3/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_1/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_4/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022606_1/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022316_2/HĐTD/KHBL/NHNT Số 2022697/HĐTD/KHBL/NHNT	9,3%/năm 9,3%/năm 9,3%/năm 10,8%/năm 10,8%/năm 12%/năm	563.300.000 422.300.000 386.400.000 622.000.000 534.200.000 468.400.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(5) Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	Số 0311/NTH/CD Số 0701/NTH/CD Số 0045/NTH/120122HM-1	8,4% - 8,7%/năm 8,7%/năm 6,8%/năm	976.300.000 774.300.000 20.000.000.000	Thế chấp Thế chấp Thế chấp
(6) Vay cá nhân ông Võ Thành Trọng	Số 06/2023/SW-VTT	12%/năm	500.000.000	Tin chấp

**24. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI**

Số đầu năm	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
- Tăng trong kỳ	378.953.578	2.118.915.808
- Chi quỹ trong kỳ	-	748.906.007
Số cuối kỳ	280.222.666	2.093.023.375
	<b>98.730.912</b>	<b>774.798.440</b>

Từ 01/01/2023  
đến 30/06/2023

Từ 01/01/2022  
đến 30/06/2022

VND VND VND VND VND VND VND VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND		VND	VND	
<b>Tại 01/01/2022</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>51.642.884.365</b>	<b>14.242.453.345</b>	<b>325.885.337.710</b>		
- Lợi nhuận trong năm	-	27.707.465.155	(1.129.574.731)	26.577.890.424		
- Cổ tức bằng tiền	-	-	(136.000.000)	(136.000.000)		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2022	-	(2.546.697.426)	-	(2.546.697.426)		
<b>Tại 31/12/2022</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>76.803.652.094</b>	<b>12.976.878.614</b>	<b>349.780.530.708</b>		
<b>Tại 01/01/2023</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>76.803.652.094</b>	<b>12.976.878.614</b>	<b>349.780.530.708</b>		
- Lợi nhuận trong kỳ	-	12.092.500.483	(1.462.955.131)	10.629.545.352		
- Cổ tức bằng tiền	-	-	(202.000.000)	(202.000.000)		
- Cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu (*)	46.799.990.000	(46.799.990.000)	-	-		
<b>Tại 30/06/2023</b>	<b>306.799.990.000</b>	<b>42.096.162.577</b>	<b>11.311.923.483</b>	<b>360.208.076.060</b>		

(\*) Ngày 22/12/2022, Công ty công bố tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu là 18%, tương đương 4.679.999 cổ phiếu và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận theo Thông báo số 292/UBCK-QLCB ngày 17/01/2023. Theo đó, căn cứ theo Thông báo này, ngày 01/02/2023 Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế trên Báo cáo tài chính riêng đến ngày 31/12/2021 là 21.719.854.038 đồng, lợi nhuận công ty con chuyển về trong năm 2022 là 22.264.000.000 đồng chưa đủ nguồn tại thời điểm này để Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với giá trị 46.799.990.000 đồng. Do đó, Công ty đã sử dụng thêm nguồn từ lợi nhuận chưa đủ nguồn năm 2022 của Công ty con chuyển về để bù đắp. Theo đó, Công ty khi xác định kế hoạch phân chia lợi nhuận 2022 sẽ giảm trừ phần lợi nhuận được sử dụng để chi trả lợi nhuận bằng cổ tức trước khi phân chia.

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu là 8%, tương đương 2.454.400 cổ phiếu, Công ty đang trình quá trình hoàn thành thủ tục pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**25.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ông Nguyễn Văn Thứ	40,00%	122.720.000.000	40,00%	104.000.000.000
Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt	19,23%	59.001.180.000	19,23%	50.001.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	1,62%	4.956.000.000	1,62%	4.200.000.000
Bà Huỳnh Thị Thanh Nga	1,68%	5.143.620.000	1,68%	4.359.000.000
Các cổ đông khác	37,48%	114.979.190.000	37,47%	97.440.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>306.799.990.000</b>	<b>100%</b>	<b>260.000.000.000</b>

**25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu năm	260.000.000.000	260.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	46.799.900.000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	306.799.900.000	260.000.000.000
<b>Cổ tức chia bằng cổ phiếu (*)</b>	46.799.990.000	-

(\*) Chi tiết xem Thuyết minh số 25.1 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**25.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 30/06/2023	Tại 01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.679.990	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.679.990	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.679.990	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.679.990	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu thường</i>	30.679.990	26.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**26. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Tại 30/06/2023		Tại 01/01/2023	
	VND tương đương	Nguyên tệ	VND tương đương	Nguyên tệ
Ngoại tệ các loại				
Đô la Mỹ (USD)	340.336.776	14.536,66	4.140.866.143	163.224,23
RUB	543.898.088	2.140.945	-	-

**27. DOANH THU VÀ CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>a. Tổng Doanh thu</b>	<b>237.766.099.743</b>	<b>204.273.398.235</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	237.370.765.446	203.945.876.391
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.320.000	-
- Doanh thu bán điện mặt trời	367.014.297	327.521.844
<b>b. Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Nông Nghiệp Mũi Dinh	655.488.242	-
- Công ty Cổ phần Thủy Sản Mũi Dinh	111.500.000	-
<b>c. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.575.398.676</b>	<b>427.038.470</b>
- Chiết khấu thương mại	143.192.820	157.912.448
- Hàng bán bị trả lại	2.338.951.800	16.150.182
- Giảm giá hàng bán	93.254.056	252.975.840

**28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	169.924.257.429	138.340.629.170
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50.535.272	-
Giá vốn bán điện mặt trời	216.379.383	243.214.268
<b>Cộng</b>	<b>170.191.172.084</b>	<b>138.583.843.438</b>

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	9.969.437	136.764.796
Lãi bán trái phiếu	127.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	357.148.481	604.442.112
Lãi chênh lệch đánh giá lại tỷ giá cuối kỳ	-	95.966.314
Doanh thu hoạt động tài chính khác	878.000	12.843.000
<b>Cộng</b>	<b>494.995.918</b>	<b>850.016.222</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí lãi vay	10.118.858.196	5.806.740.877
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	282.061.930	72.891.033
Chi phí tài chính khác	132.631	569.784
<b>Cộng</b>	<b>10.401.052.757</b>	<b>5.880.201.694</b>

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>14.201.412.498</b>	<b>14.941.975.438</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	2.227.623.478	1.224.186.168
- Chi phí vật liệu, bao bì	65.554.909	733.829.642
- Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	147.041.297	58.765.263
- Chi phí khấu hao TSCĐ	19.140.500	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	665.337.530	304.042.387
- Chi phí bằng tiền khác	11.076.714.784	12.621.151.978
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>23.897.817.839</b>	<b>19.081.342.836</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	11.752.739.906	11.424.385.760
- Chi phí vật liệu, bao bì	152.851.663	1.630.553
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	71.424.792	198.772.695
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.713.809.175	855.988.416
- Thuế, phí và lệ phí	234.839.317	556.621.750
- Chi phí dự phòng	3.594.301.290	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.397.495.966	1.922.493.695
- Chi phí bằng tiền khác	3.980.355.730	4.121.449.967

**32. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định, CCDC	26.219.444	4.529.886
Thu nhập khác	214.300.446	595.607.755
<b>Cộng</b>	<b>240.519.890</b>	<b>600.137.641</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**33. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Thanh lý TSCĐ, CCDC	-	26.166.664
Tiền phạt thuế và vi phạm hành chính khác	1.425.845	29.000.000
Chi phí khác	202.906.871	30.467.583
<b>Cộng</b>	<b>204.332.716</b>	<b>85.634.247</b>

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	111.309.532.597	178.621.552.117
Chi phí nhân công	39.360.519.828	41.007.810.065
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.957.776.643	9.053.761.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.386.660.827	18.309.997.721
Chi phí bằng tiền khác	16.009.735.604	18.378.047.917
<b>Cộng</b>	<b>181.024.225.499</b>	<b>265.371.169.783</b>

**35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
	VND	VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>17.028.435.112</b>	<b>26.723.515.975</b>
<b>Điều chỉnh lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.501.977.573</b>	<b>3.539.341.352</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế	16.578.635.424	4.574.288.991
+ Chi phí không được trừ	1.277.417.825	1.135.599.711
+ Chi phí lãi vay theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	2.046.851.770	-
+ Phần lỗ trong công ty liên kết	1.993.869	-
+ Lỗ tại công ty mẹ và con	12.974.136.073	3.129.938.299
+ Lỗ chưa thực hiện trong giao dịch nội bộ	278.235.887	308.750.981
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế	(12.076.657.851)	(1.034.947.639)
+ Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ cuối năm (tiền, phải thu)	-	(5.544.514)
+ Hoàn nhập chi phí dự phòng	(11.478.616.444)	-
+ Lãi chưa thực hiện trong giao dịch nội bộ	(598.041.407)	(1.029.403.125)
<b>Tổng thu nhập tính thuế trong năm</b>	<b>21.530.412.685</b>	<b>30.262.857.327</b>
Thu nhập tính thuế với thuế suất 20%	16.288.207.615	14.770.584.278
Thu nhập tính thuế với thuế suất 17%	5.242.205.070	15.492.273.049
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.148.816.385</b>	<b>5.587.803.274</b>
Thuế TNDN điều chỉnh lại năm 2020	(109.611.018)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.039.205.367</b>	<b>5.587.803.274</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**36. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.359.684.393	57.637.723
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>2.359.684.393</b>	<b>57.637.723</b>

**37. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.092.500.483	21.340.906.986
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(448.906.007)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	30.679.990	26.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>394</b>	<b>804</b>

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm 2023.

**38. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.092.500.483	21.340.906.986
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(448.906.007)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	30.679.990	26.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP) (*)	2.454.400	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>365</b>	<b>804</b>

(\*) Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 07/04/2023 đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu là 8%, tương đương 2.454.400 cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**  
Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)*

**39. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

**6 tháng năm 2023**

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ  
Giá vốn bộ phận

**Kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận  
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh  
Doanh thu hoạt động tài chính  
Chi phí tài chính  
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết  
Thu nhập khác  
Chi phí khác  
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành  
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**

**Tổng Tài sản**  
**Tổng Nợ phải trả**

	Bán hàng hóa	Bán điện mặt trời	Cộng
	VND	VND	VND
	234.823.686.770	367.014.297	235.190.701.067
	(169.974.792.701)	(216.379.383)	(170.191.172.084)
	<b>64.848.894.069</b>	<b>150.634.914</b>	<b>64.999.528.983</b>
			(38.099.230.337)
			26.900.298.646
			494.995.918
			(10.401.052.757)
			(1.993.869)
			240.519.890
			(204.332.716)
			(4.039.205.367)
			(2.359.684.393)
			<b>10.629.545.352</b>
			<b>634.174.085.508</b>
			<b>273.966.009.448</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C**

Lô V-2E, đường số 11, KCN Hố Nai, Xã Hố Nai 3,  
huyện Trảng Bom, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2023  
đến ngày 30/06/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**39. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)****6 tháng năm 2022**

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Giá vốn bộ phận

**Kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

*Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp*

**Tổng Tài sản**

**Tổng Nợ phải trả**

	Bán hàng hóa VND	Điện mặt trời VND	Cộng VND
	203.518.837.921	327.521.844	203.846.359.765
	(138.340.629.170)	(243.214.268)	(138.583.843.438)
	<b>65.178.208.751</b>	<b>84.307.576</b>	<b>65.262.516.327</b>
		(34.023.318.274)	(34.023.318.274)
		31.239.198.053	31.239.198.053
		850.016.222	850.016.222
		(5.880.201.694)	(5.880.201.694)
		-	-
		600.137.641	600.137.641
		(85.634.247)	(85.634.247)
		(5.587.803.274)	(5.587.803.274)
		(57.637.723)	(57.637.723)
		<b>21.078.074.978</b>	<b>21.078.074.978</b>
		<b>610.433.532.130</b>	<b>610.433.532.130</b>
		<b>264.055.025.449</b>	<b>264.055.025.449</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Fesdy	Công ty cùng hệ thống
GC Food USA INC	Công ty cùng hệ thống
Cty TNHH An Hạnh Thông	Công ty cùng hệ thống
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát	Công ty liên kết
Nhiệt Đới Sài Gòn	
Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Công ty liên kết
Nguyễn Văn Thứ	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Cố đông nắm giữ cổ phần đáng kể
Bà Bùi Thị Mai Hiền	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT
Ông Lê Hoàn Sử	Thành viên HĐQT độc lập

Trong kỳ, các giao dịch và số dư của Công ty với các bên liên quan cụ thể như sau:

<b><u>Giao dịch với các bên liên quan</u></b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>1. Công ty TNHH An Hạnh Thông</b>		
- Mua hàng hóa, dịch vụ	117.081.089	-
<b>2. Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh</b>		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	111.500.000	-
- Thanh lý tài sản	82.765.040	-
- Góp vốn	4.000.000.000	-
<b>3. Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh</b>		
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	655.488.242	-
- Thanh lý tài sản	16.230.957.395	-
- Góp vốn	4.000.000.000	-
- Cho mượn	50.000.000	-
- Thu tiền cho mượn	50.000.000	-
<b>4. Ông Nguyễn Văn Thứ</b>		
- Trả cổ tức	117.000.000	28.000.000
- Tạm ứng	12.187.833.820	14.312.356.778
- Hoàn tạm ứng	12.485.333.820	2.072.600.000
<b>5. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm</b>		
- Tạm ứng	294.384.300	154.575.134
- Hoàn tạm ứng	201.744.300	114.575.134
<b>6. Bà Bùi Thị Mai Hiền</b>		
- Tạm ứng	-	70.000.600
- Hoàn tạm ứng	3.700.000	70.000.600
<b>7. Ông Nguyễn Diệp Pháp</b>		
- Tạm ứng	102.592.534	100.181.113
- Hoàn tạm ứng	30.859.556	99.055.693

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

Số dư với các bên liên quan

	<u>Tại 30/06/2023</u>	<u>Tại 01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>1. Công ty TNHH An Hạnh Thông</b>		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.066.300.270	10.137.782.780
- Phải trả tiền mua hàng hoá, cung cấp dịch vụ	20.736.144	15.609.975
- Phải thu tiền cho mượn	3.870.087.705	3.870.087.705
<b>2. Công ty Cổ Phần Thủy sản Mũi Dinh</b>		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	612.464.690	-
<b>3. Công ty Cổ Phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh</b>		
- Phải thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.508.869.401	-
- Phải trả tiền mua hàng hóa	22.550.000	-
<b>4. Ông Nguyễn Văn Thứ</b>		
- Tạm ứng	702.500.000	1.000.000.000
<b>5. Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm</b>		
- Tạm ứng	1.645.800.000	1.568.160.000
<b>6. Bà Bùi Thị Mai Hiên</b>		
- Tạm ứng	3.700.000	-
<b>7. Ông Nguyễn Diệp Pháp</b>		
- Tạm ứng	62.342.489	(9.390.489)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**40. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

<b>Tên</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND</b>	<b>Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND</b>
<b>Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc</b>			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng Quản Trị/Tổng Giám đốc	307.352.500	365.425.935
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng truyền thông	186.357.500	213.140.680
- Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng B2B	296.350.865	369.263.192
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT/Trưởng phòng Kinh doanh quốc tế	285.624.327	302.424.291
<b>Thù lao của Hội đồng Quản trị</b>			
- Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch	84.000.000	15.000.000
- Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên	72.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	72.000.000	-
- Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên	72.000.000	25.000.000
- Ông Lê Hoàn Sử	Thành viên	72.000.000	-
<b>Thù lao của Ban Kiểm soát</b>			
- Ông Lê Thanh Duy	Trưởng ban	21.000.000	9.000.000
- Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	13.500.000	6.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.482.185.192</b>	<b>1.305.254.098</b>

**41. THÔNG TIN KHÁC**

**41.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

**41.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Hợp đồng thuê văn phòng giữa Công ty và Bà Triệu Thị Sim ký ngày 30/01/2023. Thời gian thuê 05 năm từ 12/01/2023 đến 11/01/2028. Giá thuê 02 năm đầu (từ 12/01/2023 đến 11/01/2025) là 87.000.000 đồng/tháng; giá thuê 02 năm tiếp theo (từ 12/01/2025 đến 11/01/2027) là 95.700.000 đồng/tháng; giá thuê năm thứ 05 (từ 12/01/2027 đến 11/01/2028) là 100.485.000 đồng/tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với BCTC hợp nhất kèm theo)

**41. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**41.3 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**41.4 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**41.5 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

Đồng Nai, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu



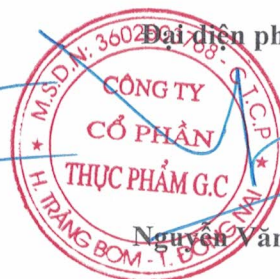
Nguyễn Thị Châu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Châu

Đại diện pháp luật



Nguyễn Văn Thứ